

Hướng dẫn giải thích về CELLA

Mục đích của CELLA

Tiểu bang Florida dùng kỳ thi về trình độ thông thạo tiếng Anh toàn diện (gọi tắt CELLA) để đo lường tiến bộ của người học tiếng Anh (gọi tắt ELL); giúp bảo đảm thành phần này có đủ kỹ năng cần thiết ở trường để đeo đuổi học vấn ở trình độ cao hơn. Muốn biết thêm về CELLA, xin đọc 2011 CELLA Information Brochure (Cẩm nang thông tin về CELLA năm 2011) do nhà trường phát. Ghé trang mạng CELLA Florida địa chỉ <http://www.fldoe.org/aala/cella.asp> để có thêm thông tin về CELLA và tải Interpretive Guide (Hướng dẫn giải thích) bằng các thứ tiếng sau:

- Tiếng Anh
- Tiếng Hoa
- Tiếng Bồ Đào Nha
- Tiếng Ấn Độ
- Tiếng Tây Ban Nha
- Tiếng Pháp
- Tiếng Nga
- Tiếng Việt
- Tiếng Ả-rập
- Tiếng Haiti
- Tiếng Phi

Điểm CELLA được dùng như thế nào

CELLA cung cấp cho cha mẹ và giáo viên thông tin của từng học sinh. CELLA cũng cung cấp thông tin để trường học, học khu, và tiểu bang biết các chương trình của trường học hiệu quả ra sao.

CELLA cung cấp bằng chứng về trách nhiệm của trường học đối với việc tuân hành Khoản 1 và Khoản 3 của bộ luật Không Bỏ Rơi Đứa Trẻ Nào, No Child Left Behind (gọi tắt NCLB). NCLB buộc nhà trường và học khu đáp ứng các chỉ tiêu về trách nhiệm của tiểu bang trong vấn đề giúp những người học tiếng Anh đạt tiến bộ về môn này. Các đòi hỏi về trách nhiệm được gọi là Chỉ Tiêu Thành Đạt Có Thể Đo Được Hằng Năm, Annual Measurable Achievement Objectives (gọi tắt AMAO).

Tiểu bang phải báo cáo thành tích trong 3 mặt của AMAO:

1. Tiến bộ hướng đến thông thạo tiếng Anh
2. Thành tích đạt được về thông thạo tiếng Anh
3. Tiến bộ thích đáng hằng năm về môn đọc và toán của học sinh diện ELL


Phải lập ra mục tiêu hằng năm cho mỗi chỉ tiêu. Học khu nào không đáp ứng các mục tiêu của tất cả 3 mặt AMAO phải thông báo cho cha mẹ của học sinh diện ELL về thành tích của học khu. Thông báo này, nếu được, phải viết bằng ngôn ngữ cha mẹ có thể hiểu. Muốn biết thêm về luật NCLB, xin ghé <http://www.fldoe.org/nclb>.



Bảng điểm của CELLA năm 2011

Học sinh nào thi CELLA cũng nhận được một bảng điểm ghi thành tích đạt được trong cuộc thi. Dưới đây là mẫu mặt trước của bảng điểm. Mỗi phần A, B và C sẽ được giải thích bên dưới.

Florida Comprehensive English Language Learning Assessment 2011 Student Report



Student Name: **FIRST NAME MI LAST NAME**
 Student ID#: **0123456789** Date of Birth: **mm/dd/yyyy**
 Home Language: **Spanish** Test Date: **mm/dd/2011**
 Grade: **12** Test Level: **D**
 School: **(1234) SCHOOL NAME - MAX 40 CHARACTERS**
 District: **(12) DISTRICT NAME - MAX 40 CHARACTERS**

Students are assigned a scale score for each subject. This scale score is a conversion of the points scored for a subject to a common scale that allows for a comparison between students and summarizes the overall level of performance attained by each student.

LISTENING/SPEAKING

Proficient 739–835
High Intermediate 714–738
Low Intermediate 682–713
Beginning 580–681

715

Listening	Points Scored 16
Possible Points	22
Speaking	Points Scored 17
Possible Points	24

Scale Score **715**
High Intermediate

READING

Proficient 778–820
High Intermediate 762–777
Low Intermediate 744–761
Beginning 605–743

759

Reading	Points Scored 18
Possible Points	26

Scale Score **759**
Low Intermediate

WRITING

Proficient 746–850
High Intermediate 721–745
Low Intermediate 690–720
Beginning 600–689

697

Writing	Points Scored 21
Possible Points	39

Scale Score **697**
Low Intermediate

Listening/Speaking Sub-Scores	Points	
	Scored	Possible
Listening - Sentences This score measures the student's ability to understand a single sentence that describes a picture.	6	8
Listening Comprehension - Short Talks This score measures the student's ability to understand short listening passages.	5	8
Listening Comprehension - Extended Speech This score measures the student's ability to understand extended listening passages, including passages that present academic information.	5	6
Speaking Vocabulary This score measures the student's knowledge of oral vocabulary.	3	6
Speaking - Asking Questions This score measures the student's ability to ask questions accurately and appropriately.	6	8
Speaking - Extended Speech This score measures the student's ability to express an opinion, retell a story, and talk about information shown in a graph.	8	10

Reading/Writing Sub-Scores	Points	
	Scored	Possible
Reading Vocabulary This score measures the student's ability to read and understand vocabulary words.	6	9
Reading Comprehension This score measures the student's ability to understand reading passages, including passages that present academic information.	12	17
Writing - Grammar This score measures the student's ability to answer questions related to English grammar, sentence structure, and word choice.	5	9
Writing - Sentences This score measures the student's ability to write descriptive sentences and to write questions.	6	12
Writing - Paragraphs This score measures the student's ability to write paragraphs.	7	12
Writing - Editing This score measures the student's ability to identify errors in grammar, mechanics, and word choice.	3	6

NT (Not Tested) – Student answered too few items to receive a score or student not tested for the subject.
 ET (Exempt from Test) – Student was not tested due to being exempted from the subject.
 NS (No Score) – Test was invalidated.
 OLT (Off Level Test) – Test level not appropriate for student's grade level.
 * For information regarding performance, please see the information provided on the back of this report.

A Lý lịch học sinh

Phần này ghi tên học sinh, số nhận dạng, ngày sinh, ngôn ngữ tại nhà, ngày thi, lớp, và trình độ của cuộc thi. Ngoài ra, phần này cũng ghi thông tin của trường và học khu đã tổ chức thi CELLA.

B Điểm trong mức thang

Phần này tóm lược trình độ của học sinh cho mỗi môn của CELLA (Nghe/Nói, Đọc, và Viết). Các thông tin sau đây được ghi trong các ô màu xanh dương:

Mức Thông Thạo được ghi bằng mũi tên đen chỉ vào hạng bậc về Mức Thông Thạo của học sinh (Tập tễnh-Beginning, Sơ cấp-Low Intermediate, Trung cấp-High Intermediate, và Thành thạo-Proficient) và cho thấy điểm của học sinh so sánh với tất cả điểm có thể đạt được cho môn đó trong cuộc thi. Hạng bậc về Mức Thông Thạo của mỗi môn được ghi lần nữa ở phía dưới của ô xanh dương.

Điểm đạt được là số điểm học sinh nhận được cho môn đó khi thi.

Điểm có thể đạt là số điểm học sinh sẽ nhận được nếu trả lời đúng cho tất cả các câu.

Điểm trong mức thang cho thấy trình độ của học sinh trong mỗi môn thi.

Ghi chú:

NT (Not Tested) hiệu này xuất hiện trong bất kỳ số điểm trong mức thang nào có nghĩa là học sinh trả lời quá ít các câu hỏi trong cuộc thi nên không thể cho điểm chính xác được.

ET (Exempted from Test) hiệu này xuất hiện trong bất kỳ số điểm trong mức thang nào có nghĩa là học sinh không thi môn đó.

Muốn biết thêm tại sao học sinh không có điểm hoặc không thi, liên hệ với giáo viên phụ trách lớp.

Ⓒ Điểm phụ

Phần này trong bảng điểm dùng để ghi điểm phụ. Điểm phụ được cho trong môn Nghe/Nói và Đọc/Viết. Các điểm phụ này cho biết thêm thông tin chi tiết về những mặt mạnh và mặt yếu của học sinh.

Điểm phụ được xem là “điểm thô,” bao gồm số điểm mà học sinh làm đúng trong môn thi. Hậu quả là, điểm phụ chỉ có giá trị liên quan đến cuộc thi và không thể được dùng để so sánh của năm này với năm khác.

Đối với học sinh thi trình độ A, số điểm có thể đạt trong các điểm phụ cho một môn không thể cộng dồn cho tổng số điểm có thể đạt cho môn đó trong kỳ thi nói chung. Lý do là vì một số mục thi đã được kể trong tổng số điểm, nhưng không kể trong điểm phụ.

Ghi chú

Ghi chú nằm dưới điểm phụ trong phần cuối của bảng điểm. Các ghi chú này giải thích những chữ tắt có thể xuất hiện nơi bảng điểm.

NT (Not Tested) – Học sinh trả lời quá ít nên không thể cho điểm, hoặc học sinh không thi môn đó.

ET (Exempted from Test) – Học sinh không thi vì được miễn môn đó. Chỉ có học sinh bị điếc hoặc có vấn đề về thính lực mới được miễn một phần trong kỳ thi.

NS (No Score) – Cuộc thi của học sinh cho phần này không hợp lệ.

OLT (Off Level Test) – Mức thi không thích đáng với lớp của học sinh.

Làm thế nào hiểu được các điểm trong mức thang của CELLA

Cột Proficiency Level Descriptors (Miêu tả mức thông thạo) giải thích mỗi điểm trong mức thang bằng các miêu tả những gì học sinh biết và có thể làm trong tiếng Anh. Tầm điểm này, từ thấp nhất đến cao nhất, được trình bày dưới đây cho mỗi phần của cuộc thi:

Scale Score Ranges

LISTENING & SPEAKING SKILLS					
Grades	K-2	3-5	6-8	9-12	Proficiency Level Descriptors
Beginning	495-632	560-675	565-680	580-681	Student speaks and understands spoken English that is below grade level.
Low Intermediate	633-649	676-697	681-712	682-713	Student speaks in English and understands spoken English that is at or below grade level.
High Intermediate	650-672	698-719	713-732	714-738	Student, with minimal support, speaks in English and understands spoken English that is at grade level.
Proficient	673-755	720-805	733-830	739-835	Student speaks in English and understands spoken English at grade level in a manner similar to non-ELL students.

READING					
Grades	K-2	3-5	6-8	9-12	Proficiency Level Descriptors
Beginning	345-545	590-689	600-713	605-743	Student reads in English below grade level text.
Low Intermediate	546-628	690-714	714-741	744-761	Student reads in English at or below grade level text.
High Intermediate	629-689	715-733	742-758	762-777	Student reads in English at grade level text with minimal support.
Proficient	690-800	734-810	759-815	778-820	Student reads in English at grade level text in a manner similar to non-ELL students.

WRITING					
Grades	K-2	3-5	6-8	9-12	Proficiency Level Descriptors
Beginning	515-636	575-674	580-687	600-689	Student writes in English below grade level and requires continuous support.
Low Intermediate	637-657	675-702	688-719	690-720	Student writes in English at or below grade level and requires some support.
High Intermediate	658-689	703-726	720-745	721-745	Student writes in English at grade level with minimal support.
Proficient	690-775	727-825	746-845	746-850	Student writes in English at grade level in a manner similar to non-ELL students.

Các tầm điểm và các miêu tả về điểm liên quan đến trình độ thông thạo tiếng Anh cũng có ghi nơi mặt sau của bảng điểm.